

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày: 06-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang.

Thẩm phán: Bà Lưu Ánh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Tâm- Cán bộ hưu trí
2. Ông Võ Văn Lượng- Cán bộ hưu trí
3. Ông Phan Minh Tùng- Chánh thanh tra, Sở Giáo dục và đào tạo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Vương Thanh H, sinh năm 1983, tại Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp L, xã H1, huyện T1, tỉnh T; Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vương Thanh V, sinh năm 1950 và bà Dương Thị L, sinh năm 1958; vợ tên Lê Thị H, sinh năm 1986 (đã chết- là bị hại trong vụ án); có 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2017 cho đến nay, (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Nguyễn Thị Liên- là Luật sư Công ty Luật hợp danh Tạ Nguyệt Thanh thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt);

Bị hại:

- 1/ Bà Lê Thị H, sinh năm 1986 (đã chết);

Đại diện hợp pháp của bị hại H: Ông Lê Văn H1, sinh năm: 1961; bà Võ Thị L1, sinh năm 1964; địa chỉ Ấp L, xã H1, huyện T1, tỉnh T. (cả 2 có mặt);

2/ Ông Đặng Vĩnh P, sinh năm 1988 (đã chết).

Đại diện hợp pháp của bị hại P: Ông Đặng Văn Đ, sinh năm: 1959; bà Trác Thị Mai T, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: Ấp P1, xã A, huyện T1, tỉnh T. (cả 2 có mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị K, sinh năm 1957, địa chỉ: Ấp A1, xã A2, huyện T1, tỉnh T. (vắng mặt);

2/ Chị Lê Hồng T1, sinh năm 1994, địa chỉ: Ấp O, xã G, huyện T1, tỉnh T. (có mặt);

Người làm chứng:

Ông Phạm Văn S, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp L, xã H1, huyện T1, tỉnh T. (có mặt);

Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp L, xã H1, huyện T1, tỉnh T. (vắng mặt);

Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp L, xã H1, huyện T1, tỉnh T. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vương Thanh H và chị Lê Thị H là vợ chồng có đăng ký kết hôn, do vợ chồng có mâu thuẫn nên đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2017, chị H đến sống tại nhà của cô ruột là bà Lê Thị K tại ấp L, xã H1, huyện T1, tỉnh T. Trong thời gian sống ly thân, chị H có quan hệ tình cảm với nam nữ với anh Đặng Vĩnh P.

Khoảng 20h00 ngày 24/10/2017, sau khi đã uống rượu, H điều khiển xe mô tô biển số 70H-8053 đến nhà bà Khanh để tìm chị H. Tại đây, H thấy phía trước nhà có 02 xe mô tô của chị H và anh P, H tiếp tục đi vào nhà thấy phòng ngủ số 1 và số 2 đều tắt đèn nên nghi ngờ chị H và anh P đang quan hệ tình dục trong phòng. Lúc này, H nảy sinh ý định đốt chị H và anh P nên quay về nhà lấy can nhựa loại 02 lít đi mua 40.000 đồng xăng; H cầm bình xăng đi vào nhà bà K, mở nắp bình xăng, đập bể kính cửa phòng số 1 và số 2; H mở cửa phòng số 2 thì phát hiện chị H và anh P đang nằm trên nệm không mặc quần áo, H vừa nghiêng bình đổ xăng vừa bật lửa đốt cháy bình xăng ném vào vị trí chị H và anh P đang nằm, làm chị H và anh P bị bỏng. Trong lúc đổ xăng và đốt lửa, H bị xăng văng dính vào tay, chân và bị cháy, H chạy ra phía trước đèn phòng khách cởi áo dập tắt lửa. Lúc này, anh P bỏ chạy ra ngoài, H lấy cái ghế nhỏ của bộ salon có sẵn ở phòng khách đưa ra cản anh P, làm trúng đầu nhưng anh P vẫn chạy ra ngoài kêu cứu. Sau đó, chị H và anh P được đưa đi cấp cứu tại

Bệnh viện Chợ Rẫy tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 02/11/2017, chị H tử vong, ngày 10/11/2017 anh P tử vong. Sau khi gây án xong, H đến Công an xã H1, huyện T1, tỉnh T đầu thú.

Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số 1391 ngày 23/11/2017 của Trung tâm Pháp y Thành phố Hồ Chí Minh với Lê Thị H, kết luận: Toàn thân bị cháy bỏng nặng, hai phổi phù, các tạng trong lồng ngực không dập vỡ, các tạng trong ổ bụng không dập vỡ, bỏng da do nhiệt giai đoạn viêm mủ, viêm cơ tim cấp, viêm phổi- phế quản phổi cấp; nguyên nhân chết do bỏng nặng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về mô sinh bệnh học số 30 TN ngày 27/11/2017 của Bệnh viện Quân y 175 đối với Đặng Vĩnh P, kết luận: Các tổn thương gồm: Viêm ngoại tâm mạc cấp, viêm phế quản- phổi cấp, hình ảnh phù nề, xung huyết nặng ở các tạng.

Tại Kết luận giám định số 174 ngày 11/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T xác định nguyên nhân tử vong của Đặng Vĩnh P, kết luận: Tử vong do: Bỏng lửa xăng 75% độ II-III rải rác toàn thân và bỏng đường hô hấp, biến chứng viêm ngoại tâm mạc cấp, viêm phế quản phổi cấp, nhiễm trùng độ.

Tại bản kết luận giám định số 3668 ngày 24/11/2017 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Chất lỏng đựng trong 01 chai nhựa và nút chấy dờ đựng trong 1 hộp nhựa được niêm P gửi giám định có tìm thấy thành phần xăng dầu.

* Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 Bình nhựa màu trắng bị cháy xém biến dạng;
- 01 nắp bình nhựa màu đỏ;
- 01 bật lửa màu xanh;
- 01 bật lửa bị cháy than hóa;
- 01 xe mô tô Dream màu nâu biển số 70H8-8053, số khung: Không; số máy: 00011970.

* Bồi thường thiệt hại: Đại diện H pháp của bị hại Lê Thị H không yêu cầu bồi thường; đại diện H pháp của bị hại Đặng Vĩnh P yêu cầu bồi thường và cấp dưỡng nuôi con của anh P đến 18 tuổi với tổng số tiền 780.410.568 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 04/QĐ/KSĐT-P2 ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T đã truy tố bị cáo Vương Thanh H về tội “Giết người” theo các điểm a khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Vương Thanh H phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 123; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 39 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vương Thanh H tù chung thân.

Về bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Luật sư Nguyễn Thị Liên bào chữa cho bị cáo H trình bày: Đồng ý về tội danh “Giết người” theo Cáo trạng đã truy tố nhưng đề nghị xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; tác động gia đình nộp số tiền 50.000.000 đồng khắc phục hậu quả, gia đình bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Bị cáo là người lao động chăm chỉ, có 02 con nhỏ học hành chăm ngoan. Do anh P và chị H có quan hệ bất chính, gia đình đã khuyên can nhưng không có kết quả. Anh P có hành vi thách thức. Khi thấy anh P và chị H trong phòng không mặc quần áo nên tinh thần bị kích động, do quần trí nên bị cáo không suy nghĩ kịp chỉ muốn sử dụng xăng đốt 02 bị hại bỏng gây thương tích chứ không nghĩ đến hậu quả. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đầu thú. Đề nghị Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho bị cáo sau này có cơ hội chăm sóc cho 02 con. Cha mẹ chị H không yêu cầu bồi thường. Có 211 người dân ở địa phương ký tên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết được quy định tại điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ông Đức tranh luận: Không đồng ý việc luật sư cho rằng P điện thoại thách thức H vì chỉ có lời khai của H. Bị cáo chưa thành khẩn khai báo.

Lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều H pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Vương Thanh H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, có cơ sở xác định: Bị cáo Vương Thanh H là chồng của bị hại Lê Thị H và bị cáo là người quen biết với bị hại Đặng Vĩnh P, xuất phát từ việc ghen tuông bị hại H và bị hại P có quan hệ tình cảm bất chính với nhau, bị cáo và bị hại H đã sống ly thân từ tháng 9/2017. Vào khoảng 21 giờ ngày 24 tháng 10 năm 2017, bị cáo H mang theo xăng, đến nơi ở của bị hại H, dùng chân đạp cửa và đổ xăng châm lửa đốt cháy 02 bị hại H và P tại phòng ngủ, được mọi người phát hiện và đưa đi cấp cứu. Hậu quả, 09 ngày sau bị hại H chết, 17

ngày sau bị hại P chết. Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số: 1391/TT.17 ngày 23/11/2017 của Trung tâm Pháp y Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận bị hại Lê Thị H chết do bỏng nặng. Tại Kết luận giám định số 174/PY-2017 ngày 11/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T, kết luận: Đặng Vĩnh P Tử vong do: Bỏng lửa xăng 75% độ II-III rải rác toàn thân và bỏng đường hô hấp, biến chứng viêm ngoại tâm mạc cấp, viêm phế quản phổi cấp, nhiễm trùng độc. Có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vương Thanh H phạm tội “Giết người” tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nay là Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3]Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương

Tính chất vụ án đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, bị cáo nhận thức rõ việc đổ xăng châm lửa đốt người là rất nguy hiểm đến tính mạng của con người, mức độ gây tử vong rất cao nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện vì mục đích động cơ ghen tuông, ích kỷ, trả thù cá nhân, bất chấp pháp luật; cần xử lý nghiêm bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thấy rằng: Bị cáo và gia đình biết bị hại H và P có tình cảm với nhau từ thời gian trước, đã nhiều lần khuyên can nhưng 02 bị hại không chấm dứt. Sau đó, bị cáo và bị hại H ly thân, đã có đủ thời gian để bị cáo suy nghĩ về mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đến mức trầm trọng, không có cơ hội hàn gắn. Khi phát hiện bị hại H và P ở chung phòng, bị cáo liền nảy sinh ý định dùng xăng đốt 02 bị hại. Từ đó, bị cáo quay về nhà chuẩn bị công cụ phương tiện và quay lại dùng chân đạp cửa vào phòng đổ xăng đốt P và H. Khi lửa bốc cháy, P bỏ chạy thoát thân thì bị cáo dùng ghế cản lại không cho P chạy ra, thể hiện ý thức quyết tâm phạm tội. Đối với bị hại H do lửa đốt cháy mạnh chỉ bò ra được tới cửa phòng và bất tỉnh. Hậu quả cả 02 bị hại đều chết gây đau thương, mất mát cho 02 gia đình.

Cáo trạng truy tố bị cáo H về tội “Giết người” theo điểm a khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4]Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, cụ thể:

- Về tình tiết tăng nặng: Vào năm 2001, Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã thi hành hình phạt tù xong vào năm 2002 nhưng chưa thi hành bản án về trách nhiệm dân sự. Giá trị tài sản chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng nên hiện nay không xem là tội phạm. Do đó, không áp dụng tình tiết tái phạm trong vụ án này.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi gây án, bị cáo tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại P số tiền 20.000.000 đồng và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo đã nộp 30.000.000 đồng để tiếp tục khắc phục một phần hậu quả; bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải ở mức độ chưa cao. Trong vụ án này, có một

phần lỗi từ 2 bị hại, bị hại P biết bị cáo và H là vợ chồng nhưng vẫn quan hệ bất chính. Bản thân bị hại H đang chung sống với bị cáo lại quan hệ bất chính với P được gia đình 02 bên khuyên can nhưng không sửa đổi. Ngày xảy ra vụ án, 2 bị hại đang nằm chung trong phòng, gây cho bị cáo bức xúc, tức giận; cơn ghen tuông bị ức chế từ lâu không kiềm chế được, bị cáo nhất thời phạm tội và thuộc trường H phạm tội do tình thần bị kích động. Sau khi gây án, bị cáo đến công an đầu thú; đại diện H pháp của bị hại H xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và không yêu cầu bồi thường. Ngoài gia đình bị cáo, còn có 211 người dân ở địa phương ký tên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo có ông ngoại tên Dương Văn M tham gia kháng chiến được tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhì; Huy chương vì giai cấp nông dân Việt Nam; Bằng khen của Hội đồng Bộ Trưởng đã góp công góp sức vào cuộc kháng chiến chống Mỹ; các con bị cáo học tập loại giỏi; quá trình sống bị cáo chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nay là điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Gia đình bị hại P đã nhận số tiền 20.000.000 đồng; gia đình bị cáo H đã nộp số tiền 30.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T theo biên lai số 0008400 ngày 02 tháng 3 năm 2018 để khắc phục một phần hậu quả. Đại diện H pháp của bị hại P yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 780.410.568 đồng nhưng bị cáo không đồng ý.

Căn cứ Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 hướng dẫn áp dụng bồi thường thiệt hại ngoài H đồng, Hội đồng xét xử xem xét các khoản chi phí H lý như sau: Chi phí điều trị tại bệnh viện và tiền xe cấp cứu chuyển viện là 47.487.568 đồng; Chi phí mai táng và các khoản khác là 48.453.000 đồng; Tiền bù đắp tổn thất tinh thần do tính mạng bị xâm phạm 100 tháng lương cơ sở x 1.300.000 đồng = 130.000.000 đồng. Tổng cộng 225.940.000 đồng.

Đối với đại diện H pháp của bị hại H là ông H1 và bà L tự nguyện không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Lê Thị K, gia đình của bị cáo đã bồi thường số tiền 2.100.000 đồng, bà Khanh không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bị hại P: Bà Lê Hồng T1 yêu cầu bị cáo cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Lê Hồng M đến 18 tuổi với số tiền 2.500.000 đồng/ 1 tháng x 192 tháng = 480.000.000 đồng. Thấy rằng, tại phiên tòa bị cáo không đồng ý bồi thường số tiền trên nên bà Thủy yêu cầu giải quyết cấp dưỡng hàng tháng theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 591 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 hướng dẫn áp dụng bồi thường thiệt hại ngoài H đồng, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Thủy, buộc bị cáo có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu M mỗi tháng số tiền 650.000 đồng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 41 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy những đồ vật bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với xe mô tô Dream màu nâu biển số 70H8-8053 bị cáo H sử dụng làm phương tiện gây án, ông H1 cho rằng xe của ông mua không có giấy tờ giao cho bị cáo H đi lại mua bán nên ông H1 có nguyện vọng xin nhận lại xe. Xét thấy, xe trên không có giấy tờ chứng minh ai là chủ sở hữu nên chuyển giao cho Công an tỉnh T xử lý theo quy định.

[7] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng.
- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 8.797.000 đồng và 300.000 đồng án phí đối với tiền cấp dưỡng nuôi con của bị hại P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vương Thanh H phạm tội “Giết người”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 93; điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 34 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nay là điểm a khoản 1 Điều 123; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vương Thanh H tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 25-10-2017.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 591 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo H phải bồi thường cho gia đình bị hại Đặng Vĩnh P số tiền 225.940.000 đồng. Ghi nhận đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho gia đình bị hại P; đã nộp số tiền 30.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T theo biên lai số 0008400 ngày 02 tháng 3 năm 2018. Bị cáo còn phải bồi thường số tiền 175.940.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bị cáo H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu M mỗi tháng số tiền 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu Đặng Lê Hồng M đủ 18 tuổi, giao cho bà Lê Hồng T1 là mẹ của cháu M nhận.

Ghi nhận đại diện H pháp của bị hại H là ông H1 và bà L không yêu cầu bồi thường; bà Lê Thị K không yêu cầu bồi thường thêm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền

chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Xe mô tô Dream màu nâu biển số 70H8-8053 bị cáo H sử dụng làm phương tiện gây án không có giấy tờ chứng minh ai là chủ sở hữu nên chuyển giao cho Công an tỉnh T xử lý theo quy định.

- Tịch thu tiêu hủy:

-01 Bình nhựa màu trắng bị cháy xém biến dạng;

- 01 nắp bình nhựa màu đỏ;

- 01 bật lửa màu xanh;

- 01 bật lửa bị cháy than hóa.

(Những đồ vật trên hiện Cục Thi hành án Dân sự tỉnh T đang quản lý).

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Vương Thanh H phải chịu 8.797.000 đồng (Tám triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng) và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí đối với tiền cấp dưỡng nuôi con của bị hại P.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo, đại diện hợp pháp của các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh;
- TAND cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh T;
- VP CQCSĐT CA tỉnh;
- Phòng PV 27 CA Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Cục THADS TN(Khi án có HLPL);
- Trại tạm giam;
- Phòng CSHTTP CATN
- Phòng LLTP-STP
- Vụ GDDKT1. TANDTC tại Hà Nội
(Khi án có HLPL)
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Giang